

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13804 /BTC-PTHT

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2025

V/v Công khai danh sách các bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công hàng tháng dưới mức trung bình của cả nước tính đến ngày 31/8/2025

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 3
	Ngày: 09/9/2025



Kính gửi:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1544/QĐ-TTg ngày 16/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ¹, trên cơ sở số liệu giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước 7 tháng, ước 8 tháng năm 2025 của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương², Bộ Tài chính công khai danh sách 29/42 Bộ, cơ quan trung ương và 12/34 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân đến ngày 31/8/2025 dưới mức bình quân chung của cả nước (46,3%) (Danh sách đính kèm).

Đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chế độ báo cáo và gửi về Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1544/QĐ-TTg ngày 16/7/2025.

Bộ Tài chính thông báo để Quý cơ quan biết, thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên (theo danh sách đính kèm);
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);
- Thứ trưởng Đỗ Thành Trung (để báo cáo);
- Các Vụ: NSNN; KTN; KTĐP; PC;
- KBNN;
- Cục CNTT (để đăng tải trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính);
- Lưu: VT, PTHT (4b)

KT. BỘ TRƯỞNG
C. T. A. I. T. H. S. T. R. U. O. N. G.

Đỗ Thành Trung

¹ Về việc thành lập các Tổ công tác đồn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu, xây dựng hạ tầng, thúc đẩy tăng trưởng, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

² Văn bản số 13417/BTC-PTHT ngày 28/8/2025 của Bộ Tài chính.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG CÓ ƯỚC TỶ LỆ GIẢI NGÂN 8 THÁNG VỐN ĐẦU TƯ NGUỒN NSNN KẾ HOẠCH NĂM 2025 THẤP HƠN MỨC TRUNG BÌNH CỦA CẢ NƯỚC (46,3%)

(Kèm theo công văn số: 13504 /BTC-PTHT ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2025			Kế hoạch năm 2025 TTCP giao đầu năm	Ước giải ngân đến hết ngày 31/8/2025				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:			Số tiền	Tỷ lệ so với tổng kế hoạch	Tỷ lệ so với KH TTCP giao	Tỷ lệ so với KH TTCP giao đầu năm	
		3=4+5	4	5	6	7	8=7/3	9=7/4	10=7/6	
+	CẢ NƯỚC	1.025.926.544	884.585.555	141.340.989	825.922.269	409.174.529	39,9%	46,3%	49,5%	
1	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG						34,6%	34,6%	41,7%	
1	Liên Hiệp các hội Văn học Nghệ thuật	13.695	13.695	-	13.695	-	0,0%	0,0%	0,0%	
2	Viện Khoa học xã hội Việt Nam	216.868	216.868	-	216.868	11.145	5,1%	5,1%	5,1%	
3	Liên minh HTX VN	107.016	107.016	-	107.016	5.977	5,6%	5,6%	5,6%	
4	Thanh tra Chính phủ	2.611	2.611	-	2.611	149	5,7%	5,7%	5,7%	
5	Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	409.583	409.583	-	409.583	24.402	6,0%	6,0%	6,0%	
6	Bộ Dân tộc và tôn giáo	906.470	906.470	-	906.470	55.197	6,1%	6,1%	6,1%	
7	Bộ Khoa học và Công nghệ	923.342	923.342	-	909.842	60.325	6,5%	6,5%	6,6%	Nếu không tính 688 tỷ đồng để xuất giảm đang trình UBNDVN, tỷ lệ giải ngân của Bộ Khoa học và Công nghệ đạt 10,8%
8	Bộ Ngoại giao	508.883	508.883	-	508.883	35.642	7,0%	7,0%	7,0%	
9	Văn phòng Chính phủ	74.933	74.933	-	74.933	6.004	8,0%	8,0%	8,0%	
10	Bộ Y tế	7.242.270	7.242.270	-	5.783.270	665.276	9,2%	9,2%	11,5%	
11	Viện Khoa học công nghệ Việt Nam	2.459.277	2.459.277	-	2.459.277	284.847	11,6%	11,6%	11,6%	
12	Hội Nông dân VN	9.019	9.019	-	9.019	1.073	11,9%	11,9%	11,9%	
13	Bộ Công thương	423.506	423.506	-	423.506	75.468	17,8%	17,8%	17,8%	
14	Toà án nhân dân tối cao	1.220.999	1.220.999	-	1.220.999	269.941	22,1%	22,1%	22,1%	
15	Học viện Chính trị - Hành chính QG	706.337	706.337	-	706.337	169.584	24,0%	24,0%	24,0%	
16	Bộ Giáo dục và ĐT	2.985.731	2.985.731	-	2.985.731	718.332	24,1%	24,1%	24,1%	
17	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	2.085.893	2.085.893	-	2.085.893	550.546	26,4%	26,4%	26,4%	
18	Bộ Tài chính	2.104.280	2.104.280	-	2.104.280	605.222	28,8%	28,8%	28,8%	Nếu không tính 688 tỷ đồng để xuất giảm đang trình UBNDVN, tỷ lệ giải ngân của Bộ Tài chính là 42,7%
19	Bộ Nội vụ	100.822	100.822	-	100.822	29.421	29,2%	29,2%	29,2%	
20	Đại học Quốc gia Hà Nội	1.499.936	1.499.936	-	1.249.936	438.312	29,2%	29,2%	35,1%	Nếu không tính kế hoạch vốn mới giao bổ sung tại Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 19/7/2025, tỷ lệ giải ngân của ĐHQG Hà Nội là 35,1%
21	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	23.381.367	23.381.367	-	23.381.367	6.891.903	29,5%	29,5%	29,5%	Nếu không tính 2.581,55 tỷ đồng để xuất giảm đang trình UBNDVN, tỷ lệ giải ngân của Bộ NN&MT là 33,1%
22	Ngân hàng nhà nước	194.800	194.800	-	194.800	57.554	29,5%	29,5%	29,5%	Nếu không tính 30 tỷ đồng để xuất giảm đang trình UBNDVN, tỷ lệ giải ngân của NHNN là 34,9%
23	Thông tấn xã VN	87.880	87.880	-	87.880	26.314	29,9%	29,9%	29,9%	
24	Đại học Quốc gia TP HCM	2.101.495	2.101.495	-	2.101.495	675.830	32,2%	32,2%	32,2%	
25	Bộ Xây dựng	82.555.368	82.555.368	-	81.384.368	30.301.602	36,7%	36,7%	37,2%	
26	Bộ Tư pháp	746.616	746.616	-	746.616	276.300	37,0%	37,0%	37,0%	
27	Đài Truyền hình VN	191.530	191.530	-	191.530	74.900	39,1%	39,1%	39,1%	
28	Kiểm toán nhà nước	6.367	6.367	-	6.367	2.504	39,3%	39,3%	39,3%	
29	Viện KSNĐ tối cao	275.050	275.050	-	275.050	125.766	45,7%	45,7%	45,7%	
II	ĐỊA PHƯƠNG						41,2%	49,7%	51,5%	
1	LAI CHÂU	4.082.652	3.833.778	248.874	3.761.721	1.028.000	25,2%	26,8%	27,3%	
2	SƠN LA	6.488.930	6.461.025	27.905	6.282.669	1.876.125	28,9%	29,0%	29,9%	
3	QUẢNG TRỊ	13.149.403	11.969.639	1.179.764	9.301.259	4.014.210	30,5%	33,5%	43,2%	
4	LÂM ĐỒNG	16.221.314	15.606.697	614.617	15.570.936	5.344.806	32,9%	34,2%	34,3%	
5	VĨNH LONG	19.879.278	17.011.857	2.867.421	17.007.838	6.108.835	30,7%	35,9%	35,9%	
6	CẦN THƠ	28.136.488	27.682.933	453.555	27.658.839	10.021.465	35,6%	36,2%	36,2%	
7	ĐỒNG NAI	36.951.871	31.926.914	5.024.957	30.650.017	11.698.301	31,7%	36,6%	38,2%	
8	AN GIANG	26.107.586	21.309.358	4.798.228	18.521.413	7.824.328	30,0%	36,7%	42,2%	Nếu không tính số kế hoạch mới giao bổ sung, tỷ lệ giải ngân của tỉnh đạt 42,2%
9	CÀ MAU	11.416.339	10.705.531	710.808	10.677.873	4.220.079	37,0%	39,4%	39,5%	
10	ĐẮC LẮC	17.400.609	14.164.253	3.236.356	13.163.978	5.721.213	32,9%	40,4%	43,5%	
11	HÀ NỘI	87.130.263	87.130.263	-	87.130.263	35.541.661	40,8%	40,8%	40,8%	
12	ĐÀ NẴNG	17.626.657	16.402.859	1.223.798	15.832.544	6.832.913	38,8%	41,7%	43,2%	

Ghi chú: Đã học bỏ ra khỏi danh sách các bộ, cơ quan, trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp hơn mức bình quân chung nhưng nếu chưa tính phần kế hoạch vốn mới được giao bổ sung và kế hoạch vốn đang để xuất điều chỉnh giảm thì sẽ có tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn cao hơn so với mức trung bình của cả nước, bao gồm:

- Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam
- Văn phòng Chủ tịch nước
- Văn phòng Quốc hội
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam
- Bộ Quốc phòng
- Bộ Công An
- Tỉnh Cao Bằng
- Tỉnh Khánh Hòa
- Tỉnh Tuyên Quang

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN GỬI VĂN BẢN

I. Các Bộ, cơ quan trung ương

- 1 Liên Hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam
- 2 Viện Khoa học xã hội Việt Nam
- 3 Liên minh hợp tác xã Việt Nam
- 4 Thanh tra Chính phủ
- 5 Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
- 6 Bộ Dân tộc và tôn giáo
- 7 Bộ Khoa học và Công nghệ
- 8 Bộ Ngoại giao
- 9 Văn phòng Chính phủ
- 10 Bộ Y tế
- 11 Viện Khoa học công nghệ Việt Nam
- 12 Hội Nông dân Việt Nam
- 13 Bộ Công thương
- 14 Toà án nhân dân tối cao
- 15 Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia HCM
- 16 Bộ Giáo dục và Đào tạo
- 17 Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
- 18 Bộ Tài chính
- 19 Bộ Nội vụ
- 20 Đại học Quốc gia Hà Nội
- 21 Bộ Nông nghiệp và Môi trường
- 22 Ngân hàng nhà nước
- 23 Thông tấn xã Việt Nam
- 24 Đại học Quốc gia Thành phố HCM
- 25 Bộ Xây dựng
- 26 Bộ Tư pháp
- 27 Đài Truyền hình Việt Nam
- 28 Kiểm toán nhà nước
- 29 Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

II. UBND các tỉnh, thành phố:

- 1 Lai Châu
- 2 Sơn La
- 3 Quảng Trị
- 4 Lâm Đồng
- 5 Vĩnh Long
- 6 Cần Thơ
- 7 Đồng Nai
- 8 An Giang
- 9 Cà Mau
- 10 Đắk Lắk
- 11 Hà Nội
- 12 Đà Nẵng